

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HUẾ  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày: 27 - 5 - 2021  
V/v: *Ly hôn, nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Thanh Xuân và bà Trần Bích Thủy.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trường Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26/4/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L.H, sinh năm 1984;

Nơi ĐKNKTT: Đường Y, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú hiện nay: Đường N (X.T), phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn V.P, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Đường Y, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07/12/2020 và bản tự khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L.H trình bày:*

Chị Nguyễn Thị L.H và anh Nguyễn V.P tự nguyện tìm hiểu nhau một thời gian thì quyết định đi đến hôn nhân, được cha mẹ hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 12/5/2008.

Sau khi kết hôn, chị H và anh P sống chung nhà cha mẹ của anh P. Thời gian đầu thì vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng trong vài năm trở lại đây thì vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh P không chịu khó làm ăn, thiếu trách nhiệm, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, chị H nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh P vẫn không chịu khó đi làm, tìm kiếm thu nhập cho kinh tế gia đình mà còn gây gỗ và đánh đập vợ con. Sự việc kéo dài làm cho cuộc sống gia đình ngày càng căng thẳng, vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị H đã đưa các con ra ở riêng và sống ly thân với anh P từ hơn 02 năm nay.

Chị H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kéo dài không giải quyết được, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn V.P.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L.H khai có 03 con chung gồm: Nguyễn T.T.V, sinh ngày 28/9/2008; Nguyễn Q.P, sinh ngày 08/12/2012 và Nguyễn Q.D, sinh ngày 06/6/2015. Cả 03 con chung đều đang ở cùng chị H và các con đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị H nên chị H đề nghị Tòa án xem xét cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Chị H không yêu cầu anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản (nợ chung): Chị Nguyễn Thị L.H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Giấy khai sinh các cháu Nguyễn T.T.V, Nguyễn Q.P và Nguyễn Q.D (Bản sao); Chứng minh nhân dân chị Nguyễn Thị L.H và anh Nguyễn V.P (Bản sao); Sổ hộ khẩu chủ hộ Nguyễn Thị K (Bản sao).

- Tại biên bản hòa giải ngày 03/3/2021, anh Nguyễn V.P trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung như chị H trình bày là đúng. Anh P thừa nhận trong thời gian qua, giữa anh và chị H có xảy ra mâu thuẫn, gây gỗ nhau làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh P không có công việc, thu nhập ổn định và kinh tế gia đình khó khăn. Anh P cam kết sẽ cố gắng sửa đổi, chịu khó làm ăn để cùng chị H xây dựng, giữ gìn hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái.

Nay chị H khởi kiện xin ly hôn, anh P có ý kiến cho rằng: Tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn, anh P đề nghị Tòa án hòa giải và tạo điều kiện về thời gian để anh hàn gắn tình cảm với chị H.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Vì không chấp nhận ly hôn nên anh P không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn V.P không cung cấp tài liệu chứng cứ gì và cũng không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo luật định.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Nguyễn V.P đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

- Về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, cho chị Nguyễn Thị L.H được ly hôn anh Nguyễn V.P.

- Về con chung: Chị H và anh P có 03 con chung, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là phù hợp với nguyện vọng của các cháu, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H đều không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản (nợ chung): Chị Nguyễn Thị L.H xác nhận không có và không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí ly hôn: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L.H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Huế nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Nguyễn V.P đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị L.H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị Nguyễn Thị L.H và anh Nguyễn V.P kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/5/2008. Quá trình chung sống, chị H và anh P đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, gây gổ nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do anh P không chăm lo cho cuộc sống gia đình và thiếu trách nhiệm với vợ con. Điều này được chị H và anh P thừa nhận và phù hợp với chứng cứ mà Tòa án tiến hành xác minh thu thập được.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn V.P đề nghị Tòa án hòa giải và tạo điều kiện về thời gian để anh hàn gắn tình cảm với chị H. Ngày 26/3/2021, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng giữa chị H và anh P tiếp tục xảy ra xung đột, anh P đã có thái độ không hợp tác và tự ý bỏ về giữa chừng nên Tòa án không thể tiếp tục hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị H thừa nhận từ 02 tháng nay, giữa chị và anh P vẫn không tìm được tiếng nói chung để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai người vẫn tiếp tục sống ly thân, không có sự quan tâm đến nhau và tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết ly hôn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh P đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng rạn nứt không thể hàn gắn. Do đó, Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L.H.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L.H và anh Nguyễn V.P có 03 con chung gồm: Nguyễn T.T.V, sinh ngày 28/9/2008; Nguyễn Q.P, sinh ngày 08/12/2012 và Nguyễn Q.D, sinh ngày 06/6/2015. Cả 03 cháu V, P và D đều đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng và các cháu đều có nguyện vọng được ở cùng với chị H nên chị H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả 03 con chung. Xét yêu cầu này của chị H là phù hợp với nguyện vọng của các cháu V, P và D. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường và ổn định về mặt tâm sinh lý của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử xét cần giao cả 03 con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Do chị Nguyễn Thị L.H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản (nợ chung): Chị Nguyễn Thị L.H xác nhận không có, anh Nguyễn V.P không có ý kiến hay yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí ly hôn: Chị Nguyễn Thị L.H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L.H được ly hôn anh Nguyễn V.P.

2. Về con chung: Giao 03 con chung gồm: Nguyễn T.T.V, sinh ngày 28/9/2008, Nguyễn Q.P, sinh ngày 08/12/2012 và Nguyễn Q.D, sinh ngày 06/6/2015 cho chị Nguyễn Thị L.H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành (lần lượt đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn V.P không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí ly hôn: Buộc chị Nguyễn Thị L.H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002132 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Chị Nguyễn Thị L.H đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT – Huế (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thành phố Huế;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- UBND phường H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Văn Nam**